

Số: 4638/KH-UBND

Điện Biên, ngày 15 tháng 12 năm 2020

## KẾ HOẠCH

### Phát triển hạ tầng viễn thông cho chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021 - 2025

Căn cứ Luật Viễn thông ban hành ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc các mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Tiếp theo Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt Quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Điện Biên giai đoạn đến năm 2020; Quyết định số 1640/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin tỉnh Điện Biên giai đoạn đến năm 2020.

UBND tỉnh Điện Biên ban hành Kế hoạch Phát triển hạ tầng viễn thông cho chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

Phát triển hạ tầng viễn thông đáp ứng yêu cầu thông tin liên lạc phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhu cầu thông tin liên lạc, giải trí của Nhân dân; sẵn sàng đáp ứng nhu cầu bùng nổ thông tin về kết nối và xử lý dữ liệu và đảm bảo an toàn thông tin mạng.



Phát triển hạ tầng viễn thông là hạ tầng thiết yếu cho xây dựng Chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số, phục vụ cho chuyển đổi số toàn diện. Nâng cao chất lượng mạng 4G, từng bước triển khai mạng 5G. Phổ cập Internet băng rộng như một tiện ích thiết yếu, đặc biệt là khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Thúc đẩy chuyển dịch từ dịch vụ viễn thông cơ bản sang dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hạ tầng viễn thông; tăng cường chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng viễn thông của tỉnh. Đảm bảo an toàn an ninh mạng lưới, giảm thiểu các sự cố mất thông tin liên lạc, đảm bảo môi trường, cảnh quan đô thị.

Cơ sở để các cơ quan, đơn vị, địa phương và các doanh nghiệp viễn thông phối hợp trong công tác chỉ đạo, điều hành, thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp hoàn thành các mục tiêu đề ra.

## **2. Yêu cầu**

Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền Thông và của tỉnh. Các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với định hướng của Đảng, Nhà nước và tình hình thực tiễn của tỉnh.

Tuân thủ các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành liên quan trong việc phát triển hạ tầng, cung cấp dịch vụ viễn thông cho chuyển đổi số.

## **II. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2025**

Nâng cao chỉ số Hạ tầng kỹ thuật của xã hội của tỉnh trong Bảng xếp hạng VietNam ICT Index (tăng 10 bậc so với năm 2020)

### **1. Đảm bảo kết nối toàn diện**

- 100% cơ quan Đảng, Nhà nước từ cấp tỉnh tới cấp xã kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

- 100% khu vực dân cư sinh sống, làm việc (thôn, bản, tổ dân phố) được kết nối internet băng rộng cố định (cáp quang).

- 100% khu vực dân cư sinh sống, làm việc (thôn, bản, tổ dân phố) được phủ sóng thông tin di động mạng 3G/4G/5G.

- 60% hộ gia đình có kết nối internet băng rộng cố định (cáp quang); trong đó trên 80% hộ gia đình có kết nối internet băng rộng cố định có tốc độ truy cập tối thiểu 40Mb/s.

- Số thuê bao điện thoại di động đạt 85 thuê bao/100 dân, trong đó 100% là thuê bao internet băng rộng di động (thuê bao 3G/4G/5G).

### **2. Đảm bảo hạ tầng viễn thông cho chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; là động lực cho phát triển kinh tế - xã hội phát triển bền vững**

- Tỷ lệ sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (giữa các ngành, các doanh nghiệp viễn thông với nhau) đạt trên 30%.



- Tỷ lệ ngầm hóa hạ tầng mạng cấp ngoại vi trên toàn tỉnh (tập trung chủ yếu tại các khu đô thị, yêu cầu cao về mỹ quan) đạt trên 30%.

- 100% các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp, trường học, cơ sở y tế được kết nối Internet băng rộng cố định có tốc độ truy cập tối thiểu 50Mb/s.

- 100% khu vực công sở, công cộng (sân bay, bến xe, khu du lịch, trường chuyên nghiệp, khu công nghiệp...) được phủ sóng wifi internet miễn phí.

- Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ viễn thông di động có điện thoại thông minh đạt 100%.

- Tỷ lệ người dân có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%.

- Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu, tỷ trọng kinh tế từ dịch vụ viễn thông cơ bản (thoại, dữ liệu) sang dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông. Kích thích chuyển dịch đầu tư vào dịch vụ kinh tế số, xã hội số, chuyển đổi số.

### **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

#### **1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển hạ tầng viễn thông cho chuyển đổi số**

a) Triển khai, ban hành cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp viễn thông đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng viễn thông cho chuyển đổi số, như:

- Xây dựng quy hoạch hạ tầng viễn thông tích hợp trong quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Triển khai Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh;

- Quản lý xây dựng và đảm bảo chất lượng xây dựng các công trình viễn thông theo quy định; tạo điều kiện bố trí vị trí (đất, trụ sở cơ quan, nhà dân,...) khi xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông;

- Quản lý cạnh tranh, đảm bảo thị trường viễn thông phát triển lành mạnh;

- Tạo môi trường cho phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế mới dựa trên nền tảng công nghệ số, Internet và không gian mạng;

- Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân có đủ năng lực tham gia xây dựng hạ tầng viễn thông cho chuyển đổi số;

- Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu, tỷ trọng kinh tế từ dịch vụ viễn thông cơ bản (thoại, dữ liệu) sang dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông.

b) Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 52/CT-BTTTT ngày 11/11/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về tăng cường chia sẻ, sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động giữa các doanh nghiệp viễn thông.

c) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn để đảm bảo việc phát triển hạ tầng viễn thông cho chuyển đổi số đúng định hướng của Đảng, Nhà nước và quy hoạch, kế hoạch của tỉnh.



d) Nâng cấp cơ sở dữ liệu quản lý hạ tầng viễn thông; thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước về viễn thông; xây dựng bản đồ số hạ tầng viễn thông tỉnh Điện Biên.

e) Tập trung đầu tư và hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật liên quan đến việc phát triển hạ tầng viễn thông thuộc các lĩnh vực giao thông, xây dựng, điện lưới quốc gia.

## **2. Phát triển hạ tầng viễn thông cho chuyển đổi số**

a) Mở rộng, kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã. Phát triển hạ tầng kết nối phục vụ xây dựng Chính phủ số trên cơ sở kết hợp giữa mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng Internet công cộng và các trung tâm dữ liệu.

b) Phát triển hạ tầng viễn thông đảm bảo vùng phủ sóng, chất lượng phủ sóng thông tin di động, kết nối internet cho xây dựng chính phủ số, phát triển kinh tế số và xã hội số và kết nối mạng Internet vạn vật (IoT). Thực hiện lộ trình loại bỏ công nghệ cũ (2G), phổ cập công nghệ mới (4G/5G); nâng cao vùng phủ sóng, chất lượng dịch vụ di động 3G/4G, đặc biệt là ở khu vực vùng sâu, vùng xa biên giới; từng bước triển khai 5G, trước hết ưu tiên ở khu vực đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch.

c) Cấp quang hóa đến các khu vực dân cư sinh sống, làm việc (thôn, bản, tổ dân phố) trên địa bàn tỉnh.

d) Ngầm hóa mạng cáp ngoại vi trên địa bàn tỉnh; cải tạo mạng truyền dẫn, tăng cường chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng viễn thông đảm bảo chất lượng dịch vụ, tiết kiệm nguồn lực đầu tư, an toàn mạng lưới và mỹ quan đô thị.

đ) Rà soát thiết lập, nâng cấp, cung cấp mạng wifi internet miễn phí tại các địa điểm công cộng (sân bay, bến xe, khu du lịch, công sở, trường chuyên nghiệp, bệnh viện, ...).

## **3. Đảm bảo chất lượng dịch vụ viễn thông cho chuyển đổi số**

a) Chuyển đổi toàn bộ mạng internet của tỉnh theo giao thức cũ (IPv4) sang ứng dụng địa chỉ giao thức internet thế hệ mới (IPv6).

b) Chuyển đổi toàn bộ dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước, báo điện tử, trang thông tin điện tử tổng hợp, giáo dục, y tế, thương mại điện tử của tỉnh sang sử dụng tên miền quốc gia (.vn).

c) Thúc đẩy cung cấp và sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử không thông qua tài khoản ngân hàng (Mobile Money) đối với người dân để phổ cập, cung cấp khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi đối với tất cả người dân.

d) Từng bước chuyển đổi, sử dụng hạ tầng đám mây và mạng điều khiển bằng phần mềm (SDN) thay thế cho hạ tầng mạng LAN, WAN truyền thống. Trước hết chuyển đổi ở các tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước.



đ) Đảm bảo chất lượng cung cấp dịch vụ viễn thông, internet theo tiêu chuẩn, quy chuẩn của quốc gia và của ngành.

e) Đảm bảo an toàn an ninh cho mạng lưới viễn thông, internet. Xử lý căn bản các loại “rác” viễn thông như SIM “rác”, tin nhắn “rác”, cuộc gọi “rác”, thư “rác” làm cơ sở cho xác thực điện tử, thanh toán điện tử.

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Tổng kinh phí thực hiện 2021-2025: Dự kiến 602,6 tỷ đồng, trong đó:

1. Nguồn vốn sự nghiệp ngân sách nhà nước của tỉnh là 2,5 tỷ đồng: Để thực hiện nhiệm vụ nâng cao năng lực quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông (thông tin, tuyên truyền; đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn; xây dựng bản đồ số viễn thông; thanh tra, kiểm tra).

2. Nguồn vốn của doanh nghiệp, Quỹ dịch vụ Viễn thông công ích và nguồn vốn khác là 600,1 tỷ đồng: Để thực hiện nhiệm vụ đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông, cung cấp dịch vụ viễn thông trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích ở khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của Nhà nước.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Sở Thông tin và Truyền thông**

Làm đầu mối tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức thực hiện Kế hoạch này. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện Kế hoạch; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện trước ngày 15/12 hằng năm.

Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông thực hiện nghiêm Chỉ thị số 52/CT-BTTTT ngày 11/11/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về tăng cường chia sẻ, sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động giữa các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh; phát triển mạng lưới mở rộng vùng phủ sóng và chất lượng phủ sóng các khu vực dân cư trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là những khu vực đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới; Đảm bảo an toàn an ninh mạng lưới.

Xây dựng và đề xuất với UBND tỉnh cơ chế ưu đãi các doanh nghiệp chủ động xây dựng hạ tầng viễn thông ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại; kế hoạch triển khai Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

Tham mưu ban hành các văn bản quản lý nhà nước về quản lý và ngầm hóa hạ tầng mạng ngoại vi, phát triển hạ tầng mạng thông tin di động, các quy định, quy chế sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông; quy định xây dựng hạ tầng ngoại vi, hạ tầng mạng thông tin di động; các quy chế phối hợp xây dựng hạ tầng với các ngành giao thông, điện, cấp nước, thoát nước.

Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh thực hiện chuyển đổi mạng internet của tỉnh từ ứng dụng địa chỉ internet giao thức cũ (IPv4) sang địa chỉ internet giao thức thế hệ mới (IPv6). Chuyển đổi các công,



trang thông tin điện tử sang sử dụng tên miền quốc gia (.vn). Chuyển đổi hạ tầng mạng LAN, WAN truyền thống sang sử dụng mạng trên nền tảng đám mây, mạng SDN.

Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý hạ tầng viễn thông; thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước về viễn thông; xây dựng bản đồ số hạ tầng viễn thông tỉnh Điện Biên.

Căn cứ định hướng, chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và tình hình thực tế, trường hợp cần thiết tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh Kế hoạch kịp thời.

## **2. Sở Xây dựng**

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh thực hiện việc xây dựng và phát triển hạ tầng viễn thông phù hợp với quy hoạch kiến trúc, đô thị của tỉnh và quy định của pháp luật về xây dựng: Cấp giấy phép xây dựng; sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông với hạ tầng kỹ thuật đô thị (xây dựng, điện lực, giao thông); quản lý chất lượng công trình xây dựng trong lĩnh vực viễn thông trên địa bàn tỉnh.

Chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc phát triển hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin phục vụ cho việc xây dựng chính quyền số tại đơn vị.

## **3. Sở Tài nguyên và Môi trường**

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan hướng dẫn các giải pháp hạn chế tác động đến môi trường khi xây dựng, phát triển hạ tầng viễn thông; hướng dẫn, thực hiện và giải quyết các vấn đề về sử dụng đất để xây dựng hạ tầng viễn thông.

Chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc phát triển hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin phục vụ cho việc xây dựng chính quyền số tại đơn vị.

## **4. Sở Công thương**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp tục triển khai Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Điện Biên giai đoạn 2014-2021 và các năm tiếp theo, đảm bảo cấp điện cho các thôn, bản chưa có điện để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng mạng lưới, cung cấp các dịch vụ viễn thông.

Chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc phát triển hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin phục vụ cho việc xây dựng chính quyền số tại đơn vị.

## **5. Sở Tài chính**

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và các nguồn khác theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật hiện hành,



phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách để thực hiện Kế hoạch

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh xử lý những khó khăn, vướng mắc liên quan đến giá thuê công trình hạ tầng viễn thông và hạ tầng kỹ thuật liên ngành; việc sử dụng tài sản công để lắp đặt các công trình viễn thông.

Chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc phát triển hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin phục vụ cho việc xây dựng chính quyền số tại đơn vị.

## **6. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và các nguồn khác theo quy định phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ phát triển hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước của tỉnh.

- Tham mưu tích hợp các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ của ngành Thông tin và Truyền thông trong việc xây dựng Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Tham mưu các giải pháp nhằm tập trung các nguồn lực, thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông cho chuyển đổi số của tỉnh.

Chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc phát triển hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin phục vụ cho việc xây dựng chính quyền số tại đơn vị.

## **6. Các sở, ban, ngành khác**

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thực hiện Kế hoạch theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc phát triển hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin phục vụ cho việc xây dựng chính quyền số tại đơn vị đảm bảo hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch.

## **7. UBND các huyện, thị xã, thành phố**

Xây dựng Kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông cho chuyển đổi số tại địa phương mình. Thời gian hoàn thành trước 31/12/2020 và chỉ đạo tổ chức thực hiện.

Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện phát triển hạ tầng viễn thông cho chuyển đổi số ở cơ sở đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất và đạt hiệu quả cao.

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thực hiện Kế hoạch này trên địa bàn. Quản lý việc phát triển hạ tầng viễn thông thụ động trên địa bàn theo quy định.

Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng trên địa bàn phù hợp với quy hoạch của tỉnh và quy định của pháp luật để mở rộng vùng phủ sóng, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ viễn thông tại địa

phương; ưu tiên các khu vực chưa được cung cấp dịch vụ viễn thông, vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

### **8. Các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin**

Xây dựng Kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông cho chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025 (hoàn thành trước ngày 15/12/2020) và kế hoạch hàng năm của đơn vị nhằm đạt được các mục tiêu đề ra trong Kế hoạch (hoàn thành trước ngày 30 tháng 11 hằng năm).

Chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật trong việc triển khai xây dựng hạ tầng, cung cấp dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh: sự phù hợp với quy hoạch của tỉnh, sử dụng chung hạ tầng, cấp giấy phép xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng, quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông.

Giám đốc các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin chịu trách nhiệm trong việc xây dựng kế hoạch, chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại đơn vị mình đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra.

Căn cứ Kế hoạch này các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện thị xã, thành phố; các doanh nghiệp viễn thông và các đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai tổ chức thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Cục Viễn thông, Bộ TT&TT;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các doanh nghiệp viễn thông tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX<sub>(LVC)</sub>

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Thành Đô**



**Phụ lục 1:**  
**CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN Hạ Tầng Viễn Thông Cho Chuyển Đổi Số**  
**TỈNH ĐIỆN BIÊN GIỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 4638 /KH-UBND ngày 15/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)*

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Mục tiêu cụ thể				
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
	1	2	3	4	5	6	7	8
<b>I</b>	<b>Đảm bảo kết nối toàn diện</b>							
1	Tỷ lệ cơ quan Đảng, Nhà nước từ cấp tỉnh tới cấp xã kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.	%	69	100	100	100	100	100
2	Tỷ lệ khu vực dân cư sinh sống, làm việc (thôn, bản, tổ dân phố) được kết nối internet băng rộng cố định (cáp quang).	%	80	84	88	92	96	100
3	Tỷ lệ khu vực dân cư sinh sống, làm việc (thôn, bản, tổ dân phố) được phủ sóng thông tin di động mạng 3G, 4G, 5G.	%	75	80	85	90	95	100
4	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cố định (cáp quang).	%	31	36	42	50	55	60
	<i>Trong đó:</i>							
4.1	- Tỷ lệ có tốc độ truy cập tối thiểu 40Mb/s.	%	27	40	55	70	85	100
5	Số thuê bao điện thoại di động trên 100 dân.	Thuê bao/100 dân	67	70	74	78	81	85
	<i>Trong đó:</i>							



Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Mục tiêu cụ thể				
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
5.1	Tỷ lệ là thuê bao Internet băng rộng di động (thuê bao 3G, 4G, 5G);	%	68	74	80	87	93	100
5.2	Tỷ lệ người sử dụng dịch vụ di động có điện thoại thông minh.	%	68	74	80	87	93	100
II	<b>Đảm bảo hạ tầng viễn thông cho chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; là động lực cho phát triển kinh tế - xã hội phát triển bền vững</b>							
6	Tỷ lệ sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (Giữa các ngành, các doanh nghiệp VT với nhau)	%	15	18	21	24	27	30
7	Tỷ lệ ngầm hóa hạ tầng mạng cáp ngoại vi trên toàn tỉnh (Tập trung chủ yếu tại các khu hành chính, đô thị, yêu cầu cao về mỹ quan)	%	15	18	21	24	27	30
8	Tỷ lệ cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp, trường học, cơ sở y tế được kết nối Internet băng rộng cố định.	%	100	100	100	100	100	100
	<i>Trong đó:</i>							
8.1	Tỷ lệ cơ quan nhà nước có kết nối Internet băng rộng cố định có tốc độ truy cập tối thiểu 50Mb/s;	%	55	64	73	82	91	100
8.2	Tỷ lệ trường học có kết nối Internet băng rộng cố định có tốc độ truy cập tối thiểu 50Mb/s;	%	55	64	73	82	91	100
8.3	Tỷ lệ cơ sở y tế, khám chữa bệnh có kết nối Internet băng rộng cố định có tốc độ truy cập tối thiểu 50Mb/s;	%	40	52	64	76	88	100



Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Mục tiêu cụ thể				
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
9	Tỷ lệ khu vực công sở, công cộng (sân bay, bến xe, khu du lịch, công sở, trường chuyên nghiệp, khu công nghiệp...) được phủ sóng wifi internet miễn phí.	%	70	76	82	88	94	100
10	Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử	%	2	12	21	31	40	50



**Phụ lục 2:**  
**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**  
**CHO NHỮNG THÔN/BẢN CHƯA ĐƯỢC CÓ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 4638/KH-UBND ngày 15/12/2020  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

Stt	Thôn/Bản	Xã	Huyện	Doanh nghiệp viễn thông chịu trách nhiệm cung cấp dịch vụ thông tin di động
1	Nậm Ty 1	Xã Hua Thanh	Huyện Điện Biên	Viettel
2	Nậm Ty 2	Xã Hua Thanh	Huyện Điện Biên	Viettel
3	Pa Thơm	Xã Pa Thơm	Huyện Điện Biên	Viettel
4	Xa Cuông	Xã Pa Thơm	Huyện Điện Biên	Viettel
5	Huổi Moi	Xã Pa Thơm	Huyện Điện Biên	VNPT
6	Na Côm	Xã Hẹ Muông	Huyện Điện Biên	MobiFone
7	Phi Cao	Xã Mường Nhà	Huyện Điện Biên	Viettel
8	Xôm	Xã Mường Nhà	Huyện Điện Biên	VNPT
9	Pha Thanh	Xã Mường Nhà	Huyện Điện Biên	VNPT
10	Huổi Không	Xã Mường Lói	Huyện Điện Biên	VNPT
11	Co Đũa	Xã Mường Lói	Huyện Điện Biên	VNPT
12	Hỏi Chon	Xã Mường Lói	Huyện Điện Biên	Viettel
13	Na Chén	Xã Mường Lói	Huyện Điện Biên	Viettel
14	Cảnh Lay	Xã Phình Giàng	Huyện Điện Biên Đông	Viettel
15	Mường tình C	Xã Xa Dung	Huyện Điện Biên Đông	VNPT
16	Nậm Chan III	Xã Ngồi Cáy	Huyện Mường Ảng	VNPT
17	Huổi Chỏn	Xã Ảng Tờ	Huyện Mường Ảng	MobiFone
18	Thố Tý	Xã Ta Ma	Huyện Tuần Giáo	VNPT
19	Trạm Cù	Xã Ta Ma	Huyện Tuần Giáo	Viettel
20	Lồng Chừ (sử) Phình	Xã Sín Chải	Huyện Tủa Chùa	VNPT
21	Hầu Chua	Xã Sín Chải	Huyện Tủa Chùa	Viettel
22	Cứu Táng	Xã Nậm Nèn	Huyện Mường Chà	VNPT
23	Kết Tinh	Xã Mường Mươn	Huyện Mường Chà	Viettel
24	Pa Ma	Xã Sen Thượng	Huyện Mường Nhé	Viettel
25	Mường Toong 6	Xã Mường	Huyện Mường Nhé	Viettel



Stt	Thôn/Bản	Xã	Huyện	Doanh nghiệp viễn thông chịu trách nhiệm cung cấp dịch vụ thông tin di động
		Toong		
26	Mường Toong 7	Xã Mường Toong	Huyện Mường Nhé	VNPT
27	Huổi Sái Lương	Xã Quảng Lâm	Huyện Mường Nhé	Viettel
28	Huổi Thùng 2	Xã Na Cô Sa	Huyện Nậm Pồ	Viettel
29	Huổi Văng	Xã Nậm Khăn	Huyện Nậm Pồ	Viettel
30	Huổi Noóng	Xã Nậm Khăn	Huyện Nậm Pồ	VNPT
31	Nậm Củng	Xã Chà Tở	Huyện Nậm Pồ	MobiFone
32	Sìn Thàng	Xã Chà Tở	Huyện Nậm Pồ	VNPT
33	Hô Hăng	Xã Chà Tở	Huyện Nậm Pồ	VNPT
34	Nậm Chua	Xã Chà Tở	Huyện Nậm Pồ	MobiFone
35	Huổi Anh	Xã Chà Tở	Huyện Nậm Pồ	Viettel
36	Hô He	Xã Chà Tở	Huyện Nậm Pồ	Viettel